

Số: 01/2022/QĐST-HNGĐ

Gia Bình, ngày 19 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

*V/v “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật
và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân”*

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Văn Chinh

Thư ký phiên họp: Bà Trịnh Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình tham gia phiên họp:
Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2021/TLST- HNGĐ ngày 27/12/2021 về việc “*Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt tại phiên họp).

2. Chị Lê Thị P, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt tại phiên họp).

3. UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Đ - Chủ tịch UBND xã Đ.

(Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Theo đơn yêu giải quyết việc dân sự và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:* Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn L Vào ngày 27/02/2009, anh Nguyễn Văn L kết hôn với chị Lê Thị P và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh theo quy định pháp luật. UBND xã Đ đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2009 cho anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P. Theo Giấy chứng nhận kết hôn thì anh Nguyễn Văn L sinh ngày 24 tháng 5 năm 1989. Tuy nhiên, thực tế và theo các giấy tờ như Giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân thì anh Nguyễn Văn L sinh ngày 24/5/1990. Do vậy, tại thời điểm anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P kết hôn, anh Nguyễn Văn L chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Sau khi kết hôn anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P có về chung sống với nhau ngay, đời sống vợ chồng hạnh phúc và có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 04/9/2009 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 11/01/2013 nên việc hủy việc kết hôn trái pháp luật để công nhận quan hệ hôn nhân là rất cần thiết. Do vậy, bà H đề nghị Tòa án nhân dân huyện G hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân là anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P trình bày:* Anh chị đều thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị H về việc đăng ký kết hôn của anh, chị và việc anh Nguyễn Văn L sinh ngày 24/5/1990 nên tại thời điểm đăng ký kết hôn anh L chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật. Lý do tại sao thời điểm đó đăng ký kết hôn khi chưa đủ tuổi và tại sao lại đăng ký kết hôn được thì anh, chị không nhớ rõ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung nên việc hủy việc kết hôn trái pháp luật để công nhận quan hệ hôn nhân là rất cần thiết. Do vậy, anh L và chị P đều đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh L và chị P, đồng thời đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh, chị từ thời điểm hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện UBND xã Đ vắng mặt tại phiên họp, trong quá trình giải quyết việc dân sự, đại diện UBND xã Đ cũng trình bày:* Ngày 27/02/2009, UBND xã Đ có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2009. Trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện anh Nguyễn Văn L sinh ngày 24/5/1989. Tuy nhiên, nay UBND xã Đ được biết anh L sinh ngày 24/5/1990, tức là tại thời điểm đăng ký kết hôn anh L chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên trong thời gian sinh sống tại địa phương, anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P sống hòa thuận, hạnh phúc và có 02 con chung. Nay bà Nguyễn Thị H có yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh L và chị P, đồng thời anh L và chị P có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân từ thời

điểm hai bên có đủ điều kiện kết hôn. UBND xã Đ đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự đều đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị: Áp dụng: Điều 9, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 35, 39, 149, 361, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P.

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P kể từ thời điểm anh Nguyễn Văn L đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 24/5/2010.

Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự Bà Nguyễn Thị H không phải lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự; anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Gia Bình nhận định:

[1] Về tố tụng: Do anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình có thẩm quyền giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Hường và đại diện UBND xã Đại Lai vắng mặt tại phiên họp đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án mở phiên họp vắng mặt họ theo quy định tại khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 27/02/2009, UBND xã Đ có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyền số 01/2009. Trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện anh Nguyễn Văn L sinh

ngày 24/5/1989. Tuy nhiên, theo giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân cũng và anh Nguyễn Văn L đều xác định anh L sinh ngày 24/5/1990, tức là tại thời điểm đăng ký kết hôn anh L chưa đủ tuổi kết hôn, việc kết hôn đó là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 về độ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị H có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P. Anh L, chị P và đại diện UBND xã Đ đều đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P theo quy định tại Điều 9, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Sau khi kết hôn anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 04/9/2009 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 11/01/2013. Nay anh L và chị P đều yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh, chị kể từ thời điểm anh L đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Hiện nay, anh L và chị P đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy chấp nhận yêu cầu của anh L và chị P, công nhận quan hệ hôn nhân của anh L và chị P kể từ thời điểm anh Nguyễn Văn L đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật là ngày 24/05/2010 theo quy định tại Điều 8, Điều 11 Luật HNGĐ năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị H không phải lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự; anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P có nghĩa vụ phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 9, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 35, 39, 149, 361, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P.

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P: Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P kể từ thời điểm anh Nguyễn Văn Luân đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 24/5/2010.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự; anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P có nghĩa vụ phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P đã nộp theo biên lai số AA/2021/0006862 ngày 28/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình. Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị P đã nộp đủ lệ phí.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Bình;
- UBND xã Đại Lai, huyện Gia Bình;
- Chi Cục THADS huyện Gia Bình;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Văn Chinh